

Số: /2025/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi vốn ngân sách địa phương
ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Cà Mau**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư công theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Việc làm số 74/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 74/2019/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 261/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên, được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của

Thủ tướng Chính phủ về ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù;

Căn cứ Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên, học viên thạc sỹ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ... tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi vốn ngân sách địa phương ủy thác qua chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Cà Mau; Báo cáo thẩm tra số/BC-KTNS ngày tháng năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi vốn đầu tư công ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các đối tượng được vay vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Hội đồng nhân dân tỉnh; đối tượng đặc thù được thụ hưởng chính sách tín dụng ưu đãi vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan đến việc quản lý và sử dụng vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo, các đối tượng chính sách khác.

Điều 3. Đối tượng được hưởng chính sách

1. Người lao động, người sử dụng lao động và cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 74/2019/NĐ-CP.

2. Các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 261/2025/NĐ-CP.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 ngày 01 tháng 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

4. Đối với người chấp hành xong án phạt tù theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù.

5. Hộ gia đình cư trú tại vùng nông thôn nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú theo Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg ngày 15/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

6. Học sinh, sinh viên, học viên thạc sỹ, nghiên cứu sinh các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán theo Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên, học viên thạc sỹ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán.

7. Người lao động thường trú trên địa bàn tỉnh Cà Mau (*ngoài các đối tượng do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định*) đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

8. Các đối tượng thuộc chương trình tín dụng chính sách xã hội khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định.

9. Các đối tượng khác do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

Điều 4. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay

1. Mức cho vay

a) Các đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 4, 5, 6, 8 Điều 3 Nghị quyết này: Thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của Ngân hàng Chính sách xã hội.

b) Đối với các đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này: Ủy ban nhân dân tỉnh quy định điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện từng chính sách tín dụng hỗ trợ vay vốn ưu đãi theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15.

c) Đối với các đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 2 Nghị quyết này:

Mức cho vay tối đa bằng 100% chi phí người lao động phải trả trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng đã ký kết giữa người lao động và Doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp được Nhà nước cho phép đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, không loại trừ các khoản chi phí được ngân sách tỉnh hỗ trợ trước khi người lao động đi làm việc ở nước ngoài (*nếu có*), tối đa không quá 110.000.000 đồng/một lao động (*một trăm mười triệu đồng trên một lao động*) và không phải bảo đảm tiền vay.

d) Trường hợp mức cho vay tối đa theo quy định đối với các chương trình tín dụng chính sách cho vay từ nguồn vốn Trung ương được điều chỉnh cao hơn mức cho vay theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh: Áp dụng mức cho vay tối đa theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay tối đa áp dụng theo quy định hiện hành của từng đối tượng cho vay, từng chương trình cho vay cụ thể trên cơ sở hướng dẫn của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội. Thời hạn cho vay cụ thể do Ngân hàng Chính sách xã hội và người vay vốn thỏa thuận căn cứ theo quy định hiện hành về thời hạn cho vay tối đa và nguồn vốn cho vay, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của người vay.

3. Lãi suất cho vay

a) Lãi suất cho vay quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8 Điều 2 Nghị quyết này: Thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của Ngân hàng Chính sách xã hội.

b) Đối với các đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 2 Nghị quyết này: Lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay đối với hộ cận nghèo theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

4. Trường hợp Chính phủ quyết định giảm lãi suất cho vay do thiên tai, dịch bệnh hoặc nguyên nhân khách quan khác thì lãi suất cho vay từ nguồn vốn địa phương theo quy định tại Nghị quyết này sẽ được hỗ trợ giảm tương ứng như mức giảm lãi suất cho vay theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 5. Xử lý nợ bị rủi ro

Thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ. Đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội, giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 6. Nguồn vốn cho vay

Vốn ngân sách địa phương bố trí ủy thác sang Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Cà Mau để cho vay theo nhu cầu của các đối tượng thụ

hưởng chính sách và khả năng cân đối vốn của tỉnh.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2025; thay thế Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau (cũ).

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2025.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH